



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DIC  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015  
**đã được soát xét**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	05 – 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	10 – 11
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	12 – 47

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước, là thành viên thuộc Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng theo Quyết định số 1981/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 07 tháng 04 năm 2014 theo mã số doanh nghiệp 0302979487.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường, đường dây và trạm biến thế, công trình hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ xây dựng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khai thác vận chuyển đất, cát để san lấp mặt bằng;
- Mua bán hàng nông sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất; Kinh doanh nhà ở; cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và đường thủy;
- Sản xuất vật liệu xây dựng trang trí nội thất, ngói màu (không sản xuất tại trụ sở); sản xuất chế biến gỗ, sản phẩm gỗ (không chế biến tại trụ sở); mua bán gỗ rừng trồng hoặc nhập khẩu;
- Gia công cơ khí, sản phẩm cơ khí (không gia công tại trụ sở); mua bán, thi công và lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ;
- Đầu tư phát triển khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Sản xuất vôi, xi măng và thạch cao, sản xuất bê tông;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

Trụ sở chính của Công ty tại 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Hiện tại Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 250.818.050.000 đồng và đang thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo vốn điều lệ mới. Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quyến	Thành viên
Bà Vũ Thị Hoa	Thành viên
Ông Dương Đình Thái	Thành viên

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hải	Tổng Giám đốc
Ông Dương Đình Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quang	Phó Tổng Giám đốc

### Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thị Thu Hồng	Trưởng ban	Từ ngày 12/06/2015
Ông Khuất Tùng Phong	Trưởng ban	Đến ngày 12/06/2015
Ông Võ Quốc Tú	Thành viên	Từ ngày 12/06/2015
Bà Lê Thị Thìn	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Hưng	Thành viên	Đến ngày 12/06/2015

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Hải  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2015



Số: 340/BCSX/TC

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC và các công ty con*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC và các công ty con được lập ngày 27/08/2015 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thu yết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

**Chủ tịch Hội đồng thành viên**



**Nguyễn Minh Tiến**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Cúc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0700-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>1.030.574.824.127</b>	<b>923.837.359.581</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>21.432.941.479</b>	<b>58.660.513.142</b>
1. Tiền	111		18.983.867.844	58.660.513.142
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.449.073.635	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120	V.2	<b>113.257.330</b>	<b>12.417.454.950</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		133.693.290	359.838.950
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(20.435.960)	(93.384.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	12.151.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>695.526.789.380</b>	<b>592.308.489.875</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	413.879.745.963	289.742.237.813
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	207.211.518.583	248.421.235.961
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	17.000.000.000	17.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	58.385.233.245	36.859.696.369
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.005.949.968)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		56.241.557	285.319.732
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.7	<b>208.876.224.629</b>	<b>188.686.635.119</b>
1. Hàng tồn kho	141		208.876.224.629	188.686.635.119
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>104.625.611.309</b>	<b>71.764.266.495</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	11.658.404.279	12.742.843.917
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		92.567.525.791	55.424.582.766
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	399.681.239	3.596.839.812
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>312.721.540.285</b>	<b>297.009.413.430</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		<b>2.062.300.000</b>	<b>1.972.300.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	2.062.300.000	1.972.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>192.407.404.542</b>	<b>189.322.565.447</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	191.763.643.642	188.602.149.037
- Nguyên giá	222		250.212.389.132	238.483.381.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.448.745.490)	(49.881.232.602)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		643.760.900	720.416.410
- Nguyên giá	225		723.523.636	723.523.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(79.762.736)	(3.107.226)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230		-	-
- Nguyên giá BĐSĐT	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế BĐSĐT	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240	V.8	<b>1.026.464.399</b>	<b>7.387.569.853</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.026.464.399	7.387.569.853
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.2	<b>78.775.028.856</b>	<b>69.775.028.856</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32.833.118.056	32.833.118.056
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		45.941.910.800	36.941.910.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>38.450.342.488</b>	<b>28.551.949.274</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	37.731.795.846	28.026.880.376
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		718.546.642	525.068.898
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.343.296.364.412</b>	<b>1.220.846.773.011</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.031.762.487.757</b>	<b>998.912.661.328</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>942.882.452.272</b>	<b>902.335.523.823</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	168.574.544.769	128.289.910.321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	22.798.045.056	22.051.865.731
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.107.810.466	2.720.761.507
4. Phải trả người lao động	314		1.100.046.342	3.696.874.526
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	11.768.083.406	2.558.363.430
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	35.609.805.315	31.794.125.652
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	703.651.439.803	712.703.871.431
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(3.727.322.885)	(1.480.248.775)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>88.880.035.485</b>	<b>96.577.137.505</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	86.960.069.356	94.866.019.016
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.919.966.129	1.711.118.489
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>311.533.876.655</b>	<b>221.934.111.683</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>290.209.898.444</b>	<b>204.051.377.413</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.818.050.000	170.818.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.818.050.000	170.818.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.366.639.453	4.480.664.953
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

1388  
 NG T  
 HIEM H  
 U TU  
 IH K  
 EM T  
 A VI  
 P.HO



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.810.481.078	20.753.045.306
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.214.727.913	7.999.617.154
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.999.617.154	1.249.459.114
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.215.110.759	6.750.158.040
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>	<b>429</b>		<b>21.323.978.211</b>	<b>17.882.734.270</b>
<b>III. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.343.296.364.412</b>	<b>1.220.846.773.011</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2015



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.719.828.529.757	1.399.381.892.357
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.077.849.504	5.829.393.023
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.715.750.680.253	1.393.552.499.334
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.640.100.411.896	1.339.023.132.106
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.650.268.357	54.529.367.228
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	7.186.024.138	4.059.659.547
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	35.277.489.737	24.305.478.419
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.304.587.476	21.090.487.502
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	14.325.890.807	10.154.337.811
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	15.279.406.153	14.333.783.745
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.953.505.798	9.795.426.800
12. Thu nhập khác	31	VI.8	550.333.008	2.056.512.327
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.292.299.453	1.435.346.017
14. Lợi nhuận khác	40		(741.966.445)	621.166.310
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.211.539.353	10.416.593.110
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	3.860.357.943	3.856.325.898
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		15.369.896	(1.726.458)
18. Lợi nhuận sau thuế	60		13.335.811.514	6.561.993.670
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		9.894.567.573	3.355.397.102
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.441.243.941	3.206.596.568
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	467	203

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2015

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.805.639.601.944	1.415.229.116.810
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(1.808.527.199.382)	(1.481.581.389.579)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.319.979.962)	(11.707.851.725)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(24.856.985.196)	(21.453.810.622)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.523.291.288)	(4.114.579.812)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		72.649.143.916	49.215.713.214
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(55.919.410.587)	(43.886.855.315)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(28.858.120.555)</b>	<b>(98.299.657.029)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(5.730.735.559)	(131.887.123.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22		(59.792.200)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.633.693.290)	(1.295.440.253)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.904.500.000	1.474.091.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(29.639.210.800)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	50.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		263.289.332	131.195.678
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.256.431.717)</b>	<b>(111.216.487.875)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		80.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.547.644.959.475	1.572.823.840.598
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.633.705.536.525)	(1.342.112.669.137)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(55.081.968)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.115.659.018)</b>	<b>230.711.171.461</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(37.230.211.290)	21.195.026.557
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		58.660.513.142	26.637.447.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.639.627	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	21.432.941.479	47.832.474.215

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2015



0521  
CÔ  
ACH NH  
ICH V  
I CHÍN  
VÀ KI  
NAM  
7-TR